**Tuần 31:** Ngày soạn: 17tháng 04 năm 2021

**Bài 50: VI KHUẨN (tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Kể được các mặt có ích và có hại của vi khuẩn.

- Hiểu được những ứng dụng thực tế của vi khuẩn trong đời sống và sản xuất.

- Nắm được những nét đại cương về virut.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát.

**3. Thái độ**

- Giáo dục ý thức giữ vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường để tránh tác hại của vi khuẩn gây ra.

- Giáo dục lòng yêu thích môn học.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực thuyết trình

**II. CHUẨN BỊ:**

1. GV Chuẩn bị Hình ảnh; bảng phụ

2. HS Nghiên cứu bài trước ở nhà.

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

- PPDH: Dạy học đặt và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác trong nhóm nhỏ.

- KTDH: Kĩ thuật chia nhóm, Kĩ thuật đặt câu hỏi, Kĩ thuật đọc tích cực

**IV. TỔ CHỨC CÁC HĐ DẠY HỌC**

**1. Hoạt động khởi động**

- GV tổ chức lớp, kiểm tra nhanh sĩ số.

- Khởi động :

**2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:**

***Hoạt động 1 (20 phút): Vai trò của vi khuẩn***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **a.***Vấn đề 1*: Tìm hiểu vai trò của vi khuẩn- Yêu cầu HS quan sát kĩ hình 50.2, đọc chú thích và làm bài tập điền từ.- GV có thể gợi ý cho HS 2 hình tròn: là vi khuẩn.- GV chốt lại các khâu quá trình biến đổi xác động vật, lá cây rụng ⭢ vi khuẩn biến đổi thành muỗi khoáng ⭢ cung cấp lại cho cây.- Cho 1 HS đọc thông tin đoạn 🗆 trang 162, thảo luận và trả lời:*+ Vi khuẩn có vai trò gì trong tự nhiên và trong đời sống con người?*(GV giải thích khái niệm cộng sinh)- GV gọi 2 nhóm phát biểu, tổ chức thảo luận giữa các nhóm.- GV sửa chữa, bổ sung.- GV cho HS giải thích hiện tượng thực tế.VD: Vì sao dưa, cà ngâm vào nước muối sau vài ngày hoá chua?- GV chốt lại vai trò có ích của vi khuẩn.**b.***Vấn đề 2*: Tìm hiểu tác hại của vi khuẩn- Yêu cầu HS thảo luận các câu hỏi:*+ Hãy kể tên một vài bệnh do vi khuẩn gây ra?**+ Các loại thức ăn để lâu ngày dễ bị ôi thiu vì sao? Muốn thức ăn không bị ôi thiu phải làm như thế nào?*- GV bổ sung, chỉnh lý các bệnh do vi khuẩn gây ra.VD: Bệnh tả do vi khuẩn tả Bệnh lao do trực khuẩn lao- GV phân tích cho HS có những vi khuẩn có cả hai tác dụng (có ích và có hại) VD: vi khuẩn phân huỷ chất hữu cơ.- Yêu cầu HS nêu hành động của bản thân phòng chống tác hạido vi khẩn gây ra. | - HS quan sát hình 50.2, đọc chú thích.- Hoàn thành bài tập điền từ.- 1-2 HS đọc bài tập, lớp nhận xét.- Từ cần điền: Vi khuẩn, muối khoáng, chất hữu cơ.- HS nghiên cứu mục thông tin, thảo luận trong nhóm hai nội dung.+ Vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên+ Vai trò của vi khuẩn trong đời sống- Đại diện nhóm phát biểu, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.- Trong tự nhiên: + Phân huỷ chất hữu cơ thành chất vô cơ để cây sử dụng.+ Góp phần hình thành than đá, dầu lửa.- Trong đời sống:+ Nông nghiệp: vi khuẩn cố định đạm ⭢ bổ sung nguồn đạm cho đất.+ Chế biến thực phẩm: vi khuẩn lên men.+ Vai trò trong công nghệ sinh học.- HS thảo luận nhóm.- Các nhóm trao đổi ⭢ ghi một số bệnh di vi khuẩn gây ra ở người (động vật, thực vật nếu biết).- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.+ Giải thích thức ăn bị ôi thiu là di vi khuẩn hoại sinh làm hỏng thức ăn.- Muốn giữ thức ăn ⭢ ngăn ngừa vi khuẩn sinh sản bằng cách: giữ lạnh, phơi khô, ướp muối….- HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.- HS đưa ra ý kiến của mình. |

***Kết luận:***

- Vi khuẩn có vai trò trong tự nhiên và đời sống con người: phân huỷ chất hữu cơ thành chất vô cơ góp phần hình thành than đá, dầu lửa. Nhiều vi khuẩn ứng dụng trogn công nghiệp, nông nghiệp và chế biến thực phẩm.

- Ngoài ra còn có các vi khuẩn kí sinh gây bệnh cho người, nhiều vi khuẩn hoại sinh làm hỏng thực phẩm, gây ra ô nhiễm môi trường.

***Hoạt động 2 (15 phút): Sơ lược về virut***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV  | Hoạt động của HS |
| - GV giới thiệu thông tin khái quát về các đặc điểm của virut.- Yêu cầu HS *kể tên một vài bệnh do virut gây ra?*- Yêu cầu HS đọc thông tin SGK.- GV nhận xét- Chốt lại kiến thức. | - HS nghe thông tin.- Kể tên: HIV; cúm gà…- HS đọc thông tin, rút ra nhận xét. |

***Kết luận:***

- Virut có kích thước rất nhỏ, chưa có cấu tạo tế bào, sống kí sinh bắt buộc và thường gây bệnh cho vật chủ.

**3. Hoạt động luyện tập:**

- GV củng cố lại nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại những tác hại của VR, VK với đời sống con người.

- Đánh giá giờ.

**4. Hoạt động vận dụng:**

- Học bài

- Trả lời câu hỏi và bài tập SGK

**5. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”

- Đọc trước bài: Mốc trắng và nấm rơm.

**Tuần 31:** Ngày soạn: 17tháng 04 năm 2021

 **Tiết 62** NẤM

**Bài 51: MỐC TRẮNG VÀ NẤM RƠM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nắm được đặc điểm cấu tạo và dinh dưỡng của mốc trắng.

- Phân biệt được các phần của một nấm rơm.

- Nêu được các đặc điểm chủ yếu của nấm nói chung (về cấu tạo, dinh dưỡng, sinh sản).

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát.

- Kĩ năng so sánh, phân tích, làm việc theo nhóm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng yêu thích môn học.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực làm việc theo nhóm.

- Năng lực so sánh, phân tích.

**II. CHUẨN BỊ:**

1. GV Chuẩn bị Hình ảnh; bảng phụ

2. HS Nghiên cứu bài trước ở nhà.

**III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

- PPDH: Dạy học đặt và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác trong nhóm nhỏ.

- KTDH: Kĩ thuật chia nhóm, Kĩ thuật đặt câu hỏi, Kĩ thuật đọc tích cực

**IV. TỔ CHỨC CÁC HĐ DẠY HỌC**

**1. Hoạt động khởi động**

- GV tổ chức lớp

- Khởi động :

**2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:**

***Hoạt động 1 (17 phút): Mốc trắng***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **a.** Quan sát hình dạng cà cấu tạo của mốc trắng- GV nhắc lại thao tác sử dụng kính hiển vi- Hướng dẫn HS cách lấy mẫu mốc và yêu cầu quan sát về hình dạng, màu sắc, cấu tạo sợi mốc, hình dạng, vị trí túi bào tử.(Nếu không có điều kiện có thể quan sát tranh).- GV đưa thông tin về dinh dưỡng và sinh sản của mốc trắng.**b.** Một vài loại mốc khác- GV dùng tranh giới thiệu mốc xanh, mốc tương, mốc rượu.- Yêu cầu HS: phân biệt các loại mốc này với mốc trắng.- GV giới thiệu với HS quy trình làm tương.- GV chốt lại kiến thức. | - HS hoạt động theo nhóm.+ Quan sát mẫu vật thật.+ Đối chiếu với hình vẽ.- Nhận xét về hình dạng và cấu tạo.- Đại diện nhóm phát biểu nhận xét, các nhóm khác bổ sung.- yêu cầu:+ Hình dạng: dạng sợi phân nhánh+ Màu sắc: không màu, không có diệp lục+ Cấu tạo: Sợi mốc có chất tế bào, nhiều nhân, không có vách ngăn giữa các tế bào.- HS quan sát tranh hình 51.2, nhận biết mốc xanh, mốc tương, mốc rượu. Nhận biết các loại mốc này trong thực tế.+ Mốc tương: màu vàng hoa cau ⭢ làm tương.+ Mốc rượu: Làm rượu+ Mốc xanh: màu xanh hay gặp ở vỏ cam, bưởi. |

***Kết luận:***

 a. Mốc trứng

- Hình dạng: Sợi phân nhánh

- Màu sắc: Không màu, không có diệp lục

- Cấu tạo: Sợi mốc có chất tế bào, nhiều nhân, không có vách ngăn giữa các tế bào.

b. Một vài loại mốc khác

- Mốc tương: màu vàng hoa cau, làm tương.

- Mốc rượu: màu trắng dùng làm rượu

- Mốc xanh: màu xanh hay gặp ở vỏ cam, bưởi.

***Hoạt động 2 (15 phút): Nấm rơm***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV  | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS quan sát mẫu vật, đối chiếu với tranh vẽ (hình 51.3) phân biệt các phần của nấm.- Gọi HS chỉ trên tranh và gọi tên từng phần của nấm.- Hướng dẫn HS lấy một phiến mỏng dưới mũ nấm, đặt lên phiến kính, dầm nhẹ để quan sát bào tử bằng kính lúp.- Yêu cầu HS: *nhắc lại cấu tạo của mũ nấm?*- GV bổ sung, chốt lại cấu tạo.- Gọi 1 HS đọc đoạn thông tin trang 167. | - HS quan sát mẫu nấm rơm, phân biệt:+ Mũ nấm, cuống nấm và sợi nấm.+ Các phiến mỏng dưới mũ nấm.- Một HS chỉ các phần của nấm, lớp nhận xét, bổ sung.- HS tiến hành quan sát bào tử nấm.- Mô tả hình dạng.- Một HS nhắc lại cấu tạo ⭢ HS khác bổ sung. |

***Kết luận:***

- Cơ thể nấm gầm những sợi không màu, 1 số ít có cấu tạo đơn bào (nấm men). Nhiều nấm có cơ quan sinh sản là mũ nấm. Nấm sinh sản chủ yếu bằng bào tử.

**3. Hoạt động luyện tập:**

- GV củng cố lại nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại cấu tạo của mốc trắng và nấm rơm.

- Đánh giá giờ.

**4. Hoạt động vận dụng:**

- Học bài

- Trả lời câu hỏi và bài tập SGK

**5. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc trước bài: Đặc điểm sinh học và tầm quan trọng của nấm.